

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Giang Văn Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 328/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị BT; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/262 đường HT, tổ dân phố số 2, phường NH, quận Hải An, Hải Phòng; nơi ở: Số 52 đường NHA, tổ dân phố số 5, phường NH quận HA, Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn BN (tên gọi khác: Nguyễn Thành BN); đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/262 đường HT, tổ dân phố số 2, phường NH, quận Hải An, Hải Phòng; nơi ở: Số 47 đường NHA, tổ dân phố số 5, phường NH quận HA, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị BT trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn BN kết hôn vào năm 1993. Cả hai có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hải, huyện An Hải nay là phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng vào ngày 27/02/1993.

Theo chị BT: Quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh cãi nhau, đặc biệt từ cuối năm 2005 trở lại đây. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh BN không quan tâm, chăm lo đến gia đình; vay mượn, cầm cố nhà cửa nên từ năm 2011 cả gia đình phải chuyển về ở nhờ nhà ngoại tại số 47 đường Nam Hòa, phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng. Bên cạnh đó, nhiều thông tin từ những người sống xung quanh về việc anh BN ngoại tình khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Do các con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng duy trì hôn nhân, nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả, anh BN vẫn không có trách nhiệm với vợ con. Khoảng năm năm trở lại đây, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị và con gái thứ ba đã chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ chị tại số nhà 52 đường Nam Hòa, phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng. Cả hai đã sống ly thân, mỗi người một nhà nhưng nhiều lần anh BN vẫn cố tình kiếm cớ xúc phạm, chửi bới chị khiến cuộc sống của mẹ con chị rất mệt mỏi. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không còn khả năng hàn gắn và bản thân chị không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn BN để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung Nguyễn Thị HH, sinh ngày 29/11/1993; Nguyễn TĐ, sinh ngày 02/4/1996 và Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 11/10/2005.

Các con chung Nguyễn Thị HH và Nguyễn TĐ đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Thị NA đến khi trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị BT xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị BT, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh BN để làm rõ về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống cũng như ý kiến của cá nhân anh đối với các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng anh BN đều vắng mặt. Vì vậy, không có quan điểm của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Lê Thị BT là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn BN hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số 47 đường NHA, tổ dân phố số 5, phường NH quận HA, Hải Phòng; do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn BN mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh BN tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị BT và anh Nguyễn Văn BN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hải, huyện An Hải nay là phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng vào năm 1993. Như vậy, việc kết hôn giữa chị BT và anh BN tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác minh mâu thuẫn cũng như tình trạng hôn nhân giữa chị BT và anh BN, thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh và kéo dài nhiều năm nay; nguyên nhân là do bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống chung. Gia đình và hàng xóm nhiều lần chứng kiến việc anh chị mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi khoảng năm năm nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế.

Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh BN để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tiến hành hòa giải, tuy nhiên anh BN đều vắng mặt không có lý do; có thể thấy BN không còn thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chị BT; cũng không mong muốn vợ chồng hòa giải, đoàn tụ. Chị BT xác nhận bản thân không còn tình cảm, không tiếp tục muốn duy trì cuộc sống hôn nhân do quá áp lực. Về phía các con của anh chị đều xác nhận cả hai không thể chung sống do mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, tiếp tục chỉ khiến anh chị và gia đình cũng như các con thêm mệt mỏi. Tòa án đã để thời gian để hai bên có thể hòa giải nhưng không có kết quả; cả hai anh chị đều không có biện pháp để cải thiện cũng như thay đổi tình trạng mâu thuẫn hiện tại. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị BT và anh BN đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn do đó theo quy định tại các Điều 51, Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị BT là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị BT và anh BN có ba con chung trong quá trình chung sống là Nguyễn Thị HH, sinh ngày 29/11/1993; Nguyễn TĐ, sinh ngày 02/4/1996 và Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 11/10/2005. Các con chung Nguyễn Thị HH và Nguyễn TĐ đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu về việc được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị NA khi ly hôn của chị BT: Hiện cháu đang ở cùng chị, điều kiện học tập và sinh hoạt ổn định; bản thân cháu có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị BT là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Chị BT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị BT được ly hôn anh Nguyễn Văn BN.

- Về con chung:

Các con chung Nguyễn Thị HH, sinh ngày 29/11/1993 và Nguyễn TĐ, sinh ngày 02/4/1996 đều đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 11/10/2005 cho chị BT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

Chị Lê Thị BT phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị BT đã nộp đủ số tiền trên theo BN lai thu số 0017999 ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo:

Chị BT có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh BN có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Nam Hải, quận Hải An, HP
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Cường

